

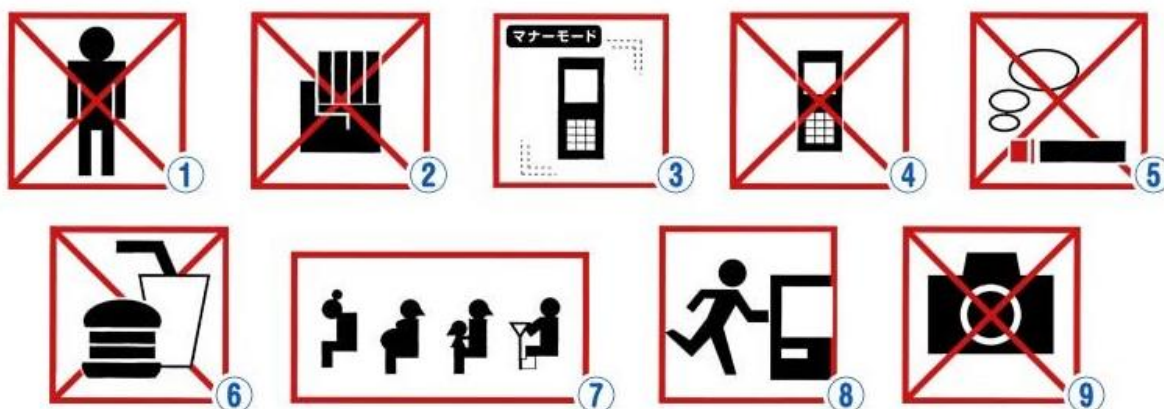
◆第22課 こまったことを話すートラブルー
Bài 22 Cách nói khi gặp khó khăn – Sự cố –

1. 非常事態/Trường hợp khẩn cấp



①	しょうかき 消火器	MP3 22-v0101	binh cứu hỏa
②	けいほうき 警報機	MP3 22-v0102	chuông báo cháy
③	しょうぼうしょ 消防署	MP3 22-v0103	trạm cứu hỏa
④	しょうぼうしゃ 消防車	MP3 22-v0104	xe cứu hỏa
⑤	きゅうきゅうしゃ 救急車	MP3 22-v0105	xe cấp cứu
⑥	けいさつしょ 警察署	MP3 22-v0106	đồn cảnh sát
⑦	パトカー	MP3 22-v0107	xe cảnh sát
⑧	こうつうじこ 交通事故	MP3 22-v0108	tai nạn giao thông
⑨	けが ^{にん} 人	MP3 22-v0109	người bị thương
⑩	かじ 火事	MP3 22-v0110	hỏa hoạn
⑪	どろぼう	MP3 22-v0111	kẻ trộm
⑫	ひじょう 非常ベル	MP3 22-v0112	chuông khẩn cấp

2. いろいろなマーク/Các ký hiệu



①	た い きんし 立ち入り禁止 はい (入らないでください)	MP3 22-v0201	Cấm vào
②	さわらないでください	MP3 22-v0202	Không được sờ vào
③	マナーモードにしてください	MP3 22-v0203	Hãy đặt chế độ rung
④	けいたいでんわ きんし 携帯電話禁止 けいたいでんわ つか (携帯電話を使わないでください)	MP3 22-v0204	Cấm dùng điện thoại di động
⑤	きんえん 禁煙 (たばこをすってはいけません)	MP3 22-v0205	Cấm hút thuốc
⑥	いんしょく きんし 飲食禁止 た の (食べたり飲んだりしてはいけません)	MP3 22-v0206	Cấm ăn uống
⑦	ゆうせんせき せき 優先席(席をゆずってください)	MP3 22-v0207	Ghế ưu tiên
⑧	ひじょうぐち 非常口	MP3 22-v0208	Cửa thoát hiểm
⑨	さつえい きんし 撮影禁止 しゃしん (写真をとってはいけません)	MP3 22-v0209	Cấm chụp ảnh